

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Kỹ thuật và Quản lý tài nguyên nước

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Xuân Quang

2. Ngày tháng năm sinh: 17/03/1971; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Căn hộ 309, CT3-1, khu đô thị Mỹ Trì Hạ, tổ dân số số 4, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Căn hộ 309, CT3-1, khu đô thị Mỹ Trì Hạ, tổ dân số số 4, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 024389919988; Điện thoại di động: 0913303562;

E-mail: lequangiwe@vawr.org.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 07,1995 đến tháng, năm 12,1999: Cán bộ nghiên cứu tại Phòng Nghiên cứu quản lý khai thác công trình thủy lợi-Viện khoa học thủy lợi- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Từ tháng, năm 01,2000 đến tháng, năm 08,2008: Phó bộ môn, nghiên cứu viên tại Trung tâm Tài nguyên nước và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi-Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Từ tháng, năm 09,2008 đến tháng, năm 05,2009: Phó trưởng phòng tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi Việt Nam- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Từ tháng, năm 06,2009 đến tháng, năm 05,2011: Trưởng phòng tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi Việt Nam- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Từ tháng, năm 06,2011 đến tháng, năm 05,2013: Phó viện trưởng tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện

khoa học thủy lợi Việt Nam, thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Từ tháng, năm 06,2013 đến tháng, năm 03,2014: Phó viện trưởng phụ trách Viện, nghiên cứu viên chính tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi Việt Nam- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Từ tháng, năm 04,2014 đến tháng, năm 07,2021: Phó viện trưởng, nghiên cứu viên chính tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi Việt Nam-Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Chức vụ: Hiện nay: Phó viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó viện trưởng phụ trách Viện

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi Việt Nam- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Địa chỉ cơ quan: số 2, ngõ 165 phố Chùa Bộc, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02435634809

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Thủy lợi; Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Trường Đại học Hồng Đức; Trường Đại học Nông Lâm-Đại học Thái Nguyên; Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Thủy lợi; Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Trường Đại học Hồng Đức; Trường Đại học Nông Lâm-Đại học Thái Nguyên; Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 20 tháng 6 năm 1995, số văn bằng: 116249, ngành: Thủy lợi, chuyên ngành: Kỹ thuật tài nguyên nước; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 13 tháng 9 năm 2002, số văn bằng: 23018, ngành: Thủy lợi, chuyên ngành: Kỹ thuật tài nguyên nước; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi

- Được cấp bằng TS [5] ngày 11 tháng 10 năm 2010, số văn bằng: 07159, ngành: Thủy lợi, chuyên ngành: Kỹ thuật tài nguyên nước; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu thứ nhất: Nghiên cứu chế độ, kỹ thuật tưới cho các loại cây trồng cạn, nghiên cứu ứng dụng, tích hợp các công nghệ, thiết bị tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho cây trồng cạn. Nghiên cứu tưới kết hợp với nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng cạn.

Hướng nghiên cứu thứ hai: Công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho lúa, giảm phát thải khí nhà kính, các giải pháp, công nghệ trong công tác quy hoạch đồng ruộng, san ủi đồng ruộng, công tác đôn điền đổi thửa, vv... các công nghệ thủy nông nội đồng như: các công trình chống thất thoát nước đồng ruộng, các công trình kiểm soát nước, phân phối nước, kênh mương nội đồng, vv.. cho các vùng trồng lúa đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu long và duyên hải miền Trung.

Hướng nghiên cứu thứ ba: Nghiên cứu các giải pháp quản lý khai thác, bảo vệ nguồn nước các lưu vực sông, trong hệ thống thủy lợi, vv... phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Các giải pháp phòng chống hạn hán cho các vùng khan hiếm nước phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp như: giải pháp tạo nguồn, chuyển nguồn, công trình thu trữ nước có giá thành rẻ, vv...

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 12 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 7 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 4 đề tài NCKH cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 52 bài báo khoa học, trong đó 4 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 2 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 3, trong đó 3 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Huân chương lao động hạng III	Chủ tịch nước, mô tả: Quyết định số 408 QĐ/CTN, ngày 31/3/2021 của Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác từ năm 2015-2019.	2021
2	Bằng Khen của Thủ Tướng chính phủ	Thủ tướng Chính phủ, mô tả: Quyết định số 2059 QĐ/TTg, ngày 24/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ, đã có thành tích trong công tác từ năm 2007 -2011, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.	2012

3	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, mô tả: Quyết định số 2622/QĐ-BNN-TCCB, ngày 4/7/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác từ năm 2016-2018.	2019
4	Bằng khen Bộ trưởng	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, mô tả: Quyết định số 2161/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ công tác 2013-2014.	2015
5	Bằng khen Bộ trưởng	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, mô tả: Quyết định số 1692/QĐ-BNN-TCCB, ngày 22/6/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2008.	2009
6	Giấy khen cấp Viện	Viện khoa học thủy lợi Việt Nam, mô tả: Quyết định số 790/QĐ-VKHTLVN của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, ngày 25/6/2010	2010
7	Giấy khen cấp Viện	Viện Khoa học Thủy lợi, mô tả: Quyết định số 431/QĐ-VKHTL-KHTH ngày 26/4/2007 của Viện Khoa học Thủy lợi.	2007
8	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, mô tả: Quyết định số 76/QĐ-HĐSK-VKHTLVN ngày 9/3/2021 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam..	2020

9	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, mô tả: Quyết định số 239/QĐ-HĐSK-VKHTLVN, ngày 8/5/2020 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	2019
10	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Viện khoa học thủy lợi Việt Nam, mô tả: Quyết định số 108/QĐ-HĐSK-VKHTLVN, ngày 1/3/2019 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	2018
11	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Viện khoa học thủy lợi Việt Nam, mô tả: Quyết định số 47/QĐ-HĐSK-VKHTLVN, ngày 18/1/2018 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	2017
12	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Viện khoa học thủy lợi Việt Nam, mô tả: Quyết định số 145/QĐ-HĐSK-VKHTLVN, ngày 8/3/2017 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	2016
13	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Viện khoa học thủy lợi Việt Nam, mô tả: Quyết định số 351/QĐ-HĐSK-VKHTLVN, ngày 14/3/2016 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	2015
14	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Viện khoa học thủy lợi Việt Nam, mô tả: Quyết định số 449/QĐ-HĐSK-VKHTLVN, ngày 6/4/2015 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	2014
15	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Viện khoa học thủy lợi Việt Nam, mô tả: Quyết định số 346/QĐ-VKHTLVN-TCHC, ngày 11/4/2013 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	2013

16	Sáng kiến cấp Bộ	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, mô tả: Quyết định số 2087/QĐ-BNN-TCCB ngày 5/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, là tác giả chính của 3 sáng kiến.	2019
----	------------------	---	------

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Căn cứ vào tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo được quy định trong quyết định số 37/2018/QĐ-TTg, ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ; các nghị định, thông tư liên quan; ứng viên nhận thấy có đủ điều kiện đăng ký xét công nhận đạt chuẩn chức danh phó giáo sư ngành Thủy lợi năm 2021, điều đó thể hiện qua:

- Tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng, đam mê và nghiêm túc trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Thực hiện đầy đủ và hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy tại cơ sở giáo dục.
- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ của cơ sở giáo dục.
- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học.
- Tôi được đào tạo chính quy về mặt chuyên môn, được công tác trong cơ quan khoa học đầu ngành về thủy lợi, bản thân không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy; phương pháp nghiên cứu khoa học; không ngừng cập nhật, áp dụng những kết quả nghiên cứu khoa học vào giảng dạy cũng như thực tế sản xuất.
- Tôi đảm bảo sức khỏe để hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tích cực tham gia hướng dẫn học viên cao học; đào tạo, tập huấn cho cán bộ khoa học của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, của ngành thủy lợi về phương pháp nghiên cứu khoa học, về kỹ thuật và quản lý tài nguyên nước, vv...

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 9 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng

viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2013-2014			2	2	90	30	153/215/160
2	2014-2015			1	5	90	30	153/221,5/160
3	2016-2017			2	3	90		108/224/135
03 năm học cuối								
4	2018-2019			2		17		20,4/74,4/135
5	2019-2020						135	135/139/135
6	2020-2021			2	3	30	45	75/175,94/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Ứng viên tham gia các lớp giao tiếp cơ bản do Trung tâm đào tạo Việt Nam - Singapore tổ chức năm 2014; hiện nay ứng viên đang theo học đại học văn bằng 2 hệ ngôn ngữ Anh-Trường Đại học Mở Hà Nội.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ ngoại ngữ B2 khung châu âu, chứng chỉ kỹ năng giao tiếp tiếng anh cơ bản do Trung tâm đào tạo Việt Nam –Singapore

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Phương Liên		X	X		12/2012 đến 09/2013	Trường Đại học Thủy lợi	16/9/2013
2	Nguyễn Thị Tâm		X	X		03/2013 đến 02/2014	Trường Đại học Thủy lợi	21/02/2014
3	Hà Thị Phú		X	X		12/2013 đến 09/2014	Trường Đại học Thủy lợi	11/9/2014

4	Nguyễn Trung Hiếu		X	X		12/2013 đến 03/2015	Trường Đại học Thủy lợi	24/3/2015
5	Trần Anh Toàn		X	X		10/2015 đến 04/2016	Trường Đại học Thủy lợi	14/4/2016
6	Ngô Văn Thuyết		X	X		10/2015 đến 04/2017	Trường Đại học Thủy lợi	17/4/2017
7	Lê Thế Hiếu		X	X		01/2016 đến 10/2016	Trường Đại học Thủy lợi	12/10/2016
8	Phạm Chiến Thắng		X	X		01/2016 đến 10/2016	Trường Đại học Thủy lợi	12/10/2016
9	Trịnh Hồng Quân		X	X		02/2018 đến 05/2019	Trường Đại học Thủy lợi	27/5/2019

10	Bùi Thị Phương Linh		X	X		08/2018 đến 06/2019	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	14/6/2019
11	Nguyễn Thị Nhưng		X		X	12/2019 đến 11/2020	Trường Đại học Hồng Đức	09/11/2020
12	Trịnh Thị Thùy Linh		X		X	05/2020 đến 07/2021	Trường Đại học Thủy lợi	22/7/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Công nghệ tưới tiết kiệm nước cho lúa năng cao hiệu quả sử dụng và giảm phát thải khí nhà kính	CK	Nhà xuất bản nông nghiệp, năm 2019	1	MM		Số 20/GXN- VKHTLVN ngày 27/6/2019

2	Nâng cao hiệu quả điều tiết hồ chứa lớn trên lưu vực sông Hồng phục vụ sản xuất, dân sinh	CK	Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, năm 2021	4	VC	(Từ trang 68- trang 85)	Giấy xác nhận ngày 20/7/2021 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam
3	Kết quả nghiên cứu đánh giá tác động của BĐKH đến một số lĩnh vực của ngành nông nghiệp và PTNT	TK	Nhà xuất bản lao động, năm 2013	7	VC	(Phần biên soạn từ trang số 337-388)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 1 ([1])

Lưu ý:

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Thư ký khoa học - chủ nhiệm đề tài nhánh: “Tính toán tương quan mưa, dòng chảy và thiết lập các bài toán thủy lực ứng với các tần xuất làm cơ sở xây dựng mô hình vận hành các công trình hồ chứa trên lưu vực sông Hương” Thuộc đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu đánh giá tác động của các công trình trên dòng chính và giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước mặt lưu vực sông Hương”	CN	KC08.25/ 06- 10, cấp Nhà nước	1/4/2008 đến 30/9/2010	17/12/2010, kết quả đạt loại khá
---	---	----	-------------------------------	------------------------	----------------------------------

2	Đề tài nhánh: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây Thanh long; nho và cỏ chăn nuôi vùng khô hạn Nam Trung Bộ” thuộc đề tài “Nghiên cứu ứng dụng đồng bộ các giải pháp khoa học và công nghệ nhằm phát triển bền vững kinh tế - xã hội – môi trường vùng khan hiếm nước Ninh Thuận và Bình Thuận phòng chống hoang mạc hóa”	CN	ĐTĐL. 2008 G/05, cấp Nhà nước	1/1/2008 đến 30/10/2010	20/11/2012, xếp loại khá
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ của Nhật Bản trong hệ thống thủy lợi nội đồng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước, giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa vùng đồng bằng sông Hồng	CN	NĐT.06.JPN/15, cấp Nhà nước	30/11/2015 đến 31/8/2018	6/12/2018, đạt loại khá
---	---	----	-----------------------------	--------------------------	-------------------------

4	Đề tài nhánh: “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khoa học trong quy hoạch chi tiết, cải tạo, nâng cấp công trình nhằm khai thác hiệu quả, bền vững các công trình thủy lợi vùng ven biển Bắc bộ đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất trong nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới” thuộc đề tài cấp nhà nước theo chương trình Nông thôn mới “Nghiên cứu các giải pháp khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả các công trình thủy lợi vùng ven biển Bắc bộ”	CN	Số 39/2015/HĐ-VPCT, cấp Nhà nước	1/6/2015 đến 31/12/2016	13/12/2017; đạt loại khá
---	---	----	----------------------------------	-------------------------	--------------------------

5	Đề tài nhánh: “Đề xuất các giải pháp KHCH nguồn nước và công nghệ tưới cho vùng khan hiếm nước thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc” thuộc đề tài cấp nhà nước theo chương trình Nông thôn mới “ Nghiên cứu các giải pháp công nghệ (thủy lợi, cấp nước sinh hoạt) phục vụ xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc	CN	Số 10/2013/HĐ- VPCT, cấp Nhà nước	1/7/2013 đến 3/2/2016	11/10/2016/ đạt loại khá
---	---	----	---	--------------------------	-----------------------------

6	Thư ký khoa học-Đề tài nhánh: “Nghiên cứu xác định khả năng chịu tải LVS Vu Gia – Thu Bồn” thuộc Đề tài cấp Nhà nước KC08-30/11-15 “Nghiên cứu xác định khả năng chịu tải và dòng chảy tối thiểu của lưu vực sông Vu Gia -Thu Bồn”	CN	KC08-30/11-15, cấp Nhà nước	1/10/2013 đến 30/9/2015	21/11/2015/ xếp loại khá
---	---	----	-----------------------------	-------------------------	--------------------------

7	Đề tài nhánh : “Nghiên cứu chế độ tưới và kỹ thuật tưới hợp lý cho một số loại cây trồng trong khu vực (nho, thanh long, cỏ chăn nuôi, cam)” thuộc đề tài độc lập cấp nhà nước, mã số ĐTĐL.2007 G/30 “Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp KHCN phòng chống hạn hán phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh miền Trung”	CN	ĐTĐL.2007 G/30, cấp Nhà nước	1/1/2009 đến 30/12/2011	24/8/2012/ Đạt loại khá
8	Hoàn thiện giải pháp công nghệ và tích hợp thiết bị tưới tiên tiến, tiết kiệm nước chi phí thấp cho các vùng cây trồng ngắn ngày rau màu, cây công nghiệp.	CN	1175/2015/HĐ, cấp Bộ	1/1/2016 đến 31/5/2018	19/11/2018, đạt loại khá

9	Nghiên cứu chế độ tưới và lựa chọn kỹ thuật tưới cho một số cây trồng cạn cho một số vùng đặc thù và công nghệ xử lý tái sử dụng nước thải hộ gia đình	CN	1328/QĐ-BNN-KHCN, cấp Bộ	1/1/2012 đến 31/12/2013	8/5/2014/ đạt loại khá
10	Đánh giá ảnh hưởng của BĐKH đến hệ thống cơ sở hạ tầng nông nghiệp và Nông thôn và đề xuất các giải pháp giảm thiểu	CN	số 2493/QĐ-BNN-KHCN, cấp Bộ	1/1/2010 đến 31/12/2012	26/4/2013/ Đạt loại khá
11	Nghiên cứu giải pháp quản lý, khai thác bồi lắng của các hồ chứa quan trọng đặc biệt đảm bảo an toàn, hiệu quả	CN	số 4758/QĐ-BNN-KHCN, cấp Bộ	1/1/2020 đến 31/12/2022	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Đánh giá hiệu quả tưới	1	Có	Tạp chí Hoạt động khoa học – Bộ Khoa học và Công nghệ, ISSN 0866-7152			7, 7, 13-15	07/2004
2	Biến đổi khí hậu toàn cầu và vấn đề nước đối với nông nghiệp	2	Có	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn; ISSN 0866-7020			7, 7, 916-918	07/2004
3	Sự cần thiết nghiên cứu chế độ tưới cho cây thanh long tại Bình Thuận	1	Có	Đặc san khoa học công nghệ Thủy lợi			4, 4, 39-41	12/2006

4	Kết quả bước đầu nghiên cứu về ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây Nho và cây Thanh long vùng khô hạn Nam Trung Bộ	1	Có	Đặc san khoa học công nghệ Thủy lợi			4, 4, 41-46	01/2008
5	Kết quả nghiên cứu chế độ tưới cho cây Thanh long Bình Thuận	2	Có	Đặc san khoa học công nghệ Thủy lợi			23, 36-45	09/2009
6	Tính cân bằng nước cho nhu cầu dùng nước của các ngành kinh tế của hệ thống lưu vực sông Hương	3	Không	Đặc san khoa học công nghệ Thủy lợi			23, 29-36	09/2009
7	Cân bằng nước có xét đến đảm bảo dòng chảy môi trường sinh thái và vận hành các hồ chứa trên hệ thống sông Hương	3	Không	Nhà xuất bản nông nghiệp - Tuyển tập khoa học công nghệ 50 năm xây dựng và Phát triển - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam			1 101-108	11/2009

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
8	Kết quả thí nghiệm chế độ tưới luân chuyển ½ gốc cho cây thanh long – Bình Thuận	2	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường ISSN 1859-3941			36, 9-18	03/2012
9	Kết quả thí nghiệm chế độ tưới hợp lý cho cây thanh long - tỉnh Bình Thuận Hạn hán miền Trung, một số giải pháp khắc phục	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			9, 68-73	07/2012
10	Kết quả thí nghiệm chế độ tưới hợp lý cho cây thanh long - tỉnh Bình Thuận	2	Có	Tạp chí Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			10, 70-77	10/2012
11	Kinh nghiệm quản lý phát triển nguồn nước bền vững ở Australia	3	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			19, 103-108	12/2013

12	Phương pháp đánh giá tác động của BĐKH đến hệ thống cơ sở hạ tầng nông nghiệp và Nông thôn tính Thừa Thiên Huế	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			22, 34-41	08/2014
13	Công nghệ trữ nước sinh hoạt nông thôn khu vực khan hiếm nước	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			22, 60-66	08/2014
14	Tác động của điều tiết hồ chứa đến xâm nhập mặn và cấp nước hạ du lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn	2	Có	Tạp chí Tài nguyên Nước ISSN 1859-3771			4, 40-50	10/2015
15	Nghiên cứu khả năng tiếp nhận nước thải của sông Vu Gia - Thu Bồn	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			12, 45-56	12/2015

16	Ứng dụng công nghệ quản lý nước tiết kiệm trên ruộng lúa vùng ĐBSH, kết quả nghiên cứu vụ chiêm Xuân 2015 tại xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			32, 53-64	04/2016
17	Chế độ tưới cho lúa Bắc Thơm vùng ĐBSH, kết quả nghiên cứu vụ chiêm Xuân 2015 tại xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	1	Có	Tạp chí Tài nguyên Nước ISSN 1859-3771			2, 48-55	04/2016

18	Kết quả nghiên cứu quản lý nước ruộng lúa giảm phát thải khí nhà kính (CH ₄) trong vụ chiêm Xuân và Hè thu năm 2015 vùng ĐBSH	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			38, 20-28	05/2017
19	Quản lý nước mặt ruộng để giảm thiểu phát thải khí nhà kính (CH ₄ , N ₂ O) trên ruộng lúa vùng đồng bằng sông Hồng	2	Không	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			10, 60-66	10/2017
20	Nghiên cứu tích hợp công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây lạc trên đất cát ven biển, xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	3	Có	Tuyển tập khoa học công nghệ năm 2017-Nhà xuất bản lao động ISBN: 978-604-59-9285-2			1 196-205	01/2018

21	Quy trình kỹ thuật canh tác lúa tiên tiến tại xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	3	Không	Tuyển tập khoa học công nghệ năm 2017-Nhà xuất bản lao động ISBN: 978-604-59-9285-2			1 116-226	01/2018
22	Ứng dụng ảnh vệ tinh Landsat 7 ETM đánh giá chất lượng nước hồ kê gỗ tỉnh Hà Tĩnh	13	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ an toàn sức khỏe, môi trường lao động ISSN 1859-0896			1,2,3, 89-96	07/2018
23	Quy trình tưới tiêu khoa học cho lúa, giảm phát thải khí nhà kính (CH ₄ , N ₂ O) vùng Đồng bằng sông Hồng	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			50, 60-73	12/2018
24	Quy trình tưới phun mưa cho cây hành khu vực miền Trung	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			50, 93-100	12/2018

25	Giải pháp công nghệ xử lý nước mưa và nước mặt phục vụ sinh hoạt cho người dân vùng Tây Bắc	5	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			50, 139-151	12/2018
26	Quy trình tưới phun mưa cho cây tỏi khu vực miền Trung	1	Có	Tạp chí Tài nguyên Nước ISSN 1859-3771			1, 21-27	01/2019
27	Quy trình tưới phun mưa cho cây lạc khu vực miền Trung	1	Có	Tạp chí Tài nguyên Nước ISSN 1859-3771			2, 48-56	05/2019
28	Kết quả dự báo chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi Liên Sơn – Vĩnh Phúc vụ Đông Xuân 2018	1	Có	Tạp chí Tài nguyên Nước ISSN 1859-3771			3, 61-72	07/2019

29	Nghiên cứu tích hợp công nghệ tưới tiết kiệm nước cho khu mẫu 3 ha thanh long, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	1	Có	Tạp chí Tài nguyên Nước ISSN 1859- 3771			3, 33-40	07/2019
30	Đánh giá hiệu quả phát thải khí nhà kính (CH ₄ N ₂ O) trong canh tác lúa tại xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (2015- 2017)	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			55, 108- 118	08/2019
31	Kết quả dự báo chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi Liễn Sơn – Vĩnh Phúc vụ Đông Xuân 2019	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			55, 71- 84	08/2019

32	Vai trò của giải pháp công trình thủy lợi trong nuôi tôm công nghiệp	1	Có	Tạp chí Tài nguyên Nước ISSN 1859-3771			1, 44-47	02/2020
33	Nghiên cứu tích hợp các công nghệ tưới TKN cho 300 ha rau an toàn tập trung, xã An Hải, huyện Ninh Phước, Ninh Thuận	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			58, 54-62	02/2020
34	Một số dạng công trình lấy phù sa hạ du hồ Hòa Bình	1	Có	Tạp chí Tài nguyên Nước ISSN 1859-3771			2, 10-15	04/2020
35	Một vài ý kiến về nghiên cứu công trình xả trạm bơm	2	Có	Tạp chí Tài nguyên Nước ISSN 1859-3771			2, 64-71	04/2020
36	Tình hình hạ thấp mực nước trên sông Hồng và các giải pháp để thích ứng	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			59, 23-33	04/2020

37	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt cho 20 ha mang tây xã An Hải, Ninh Thuận	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			60, 10-15	06/2020
38	Đề xuất công nghệ WEBGIS trong quản lý nguồn thải hệ thống thủy lợi nội đồng	2	Không	Tạp chí Tài nguyên Nước ISSN 1859-3771			2, 57-62	05/2021
39	Phương pháp xác định bồi lắng bùn cát hồ Dầu Tiếng	3	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			66, 38-49	06/2021
40	Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	3	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			66, 92-103	06/2021

41	Nâng cao chất lượng quy hoạch thủy lợi góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, chủ động ứng phó với BĐKH	3	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			66, 115- 122	06/2021
42	Effect of planting density and silicic acid fertilizer on rice yield in the Red River Delta, Vietnam	6	Không	Journal of the Japanese Society of Soil Physics ISSNs:0387-6012	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		P46, 104- 105	10/2016
43	Characteristics of CH ₄ Flux from Paddy Field Adopting the Intermitted Irrigation Technique during the Winter- Spring and Summer- Autumn Seasons in the Red River Delta, Vietnam	9	Không	THA 2017 International Conference on “Water Management and Climate Change Towards Asia's Water-Energy- Food Nexus” 25 - 27 January 2017, Bangkok, Thailand.. Proceedings in the Engineering Journal (EJ) : International Journal ISSN 0125- 8281	Q3, H Index: 20 - Scopus IF: 1.4		CT03, 122- 128	01/2017

44	Water management for reducing methane emission from paddy plot in Red River delta, Vietnam	12	Không	The Japanese Society of Irrigation, Drainage and Rural Engineering ISSN 1881-4948	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		[6-3], 496-497	09/2018
45	Effects of planting density and silicate fertilizer application on yield components of rice	9	Không	The Japanese Society of Irrigation, Drainage and Rural Engineering ISSN 1881-4948	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		H-30, 754-755	09/2018
46	Effect of alternate wltternate wetting and drying paddy water management of on-farm lever by water users' group on methane emission in the Red River Delta, VietNam	15	Không	PAWEES&INWEP F International Conference 2018 in Nara November 20-22, 2018 Nara Kasugano International Forum	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		P.53, 178-179	11/2018

47	Effect of organizational paddy water management by a water user group on methane and nitrous oxide emissions and rice yield in the Red River Delta, Vietnam	16	Có	Agricultural Water Management ISSN: 0378-3774	Q1, H Index: 119 - ISI IF: 3.834	5	217 179-192	05/2019
48	Study on control of redox potential and effect on methane emission by ponding depth management	12	Không	Suimon-mizukankyo_journal Applied Hydrology-The Japanese Society of Irrigation, Drainage and Rural Engineering ISSN 1881-4948	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		N.31, 79-87	11/2019
49	Paddy ponding water depth management and its effects for reducing methane emission	5	Không	Kyoto Branch of The Japanese Society of Irrigation, Drainage and Rural Engineering	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		[76], 30-31	11/2019

50	Proposal and practice of eco-friendly water and materials mangement which is compatible with improvement of rice yield and quality in paddy fields in Vietnam	11	Có	Proceeding of the International conference on Science and Technology for Water security disaster reduction and climate change adaptation, Hanoi, November 05th, 2019. ISSN 978-604-67-1637-2	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		214-223	11/2019
51	Monitoring Water Quality in Lien Son Irrigation System of Vietnam and Identification of Potential Pollution Sources by Using Multivariate Analysis	9	Không	Water, Air, & Soil Pollution An International Journal of Environmental Pollution ISSN: 0049-6979	Q2 - ISI IF: 2.574		187, 232	04/2021

52	Paddy ponding water management to reduce methane emission based on observations of methane fluxes and soil redox potential in the Red River Delta, Vietnam*	8	Không	Irrigation and Drainage, ISSN: 1531-0361	ISI, IF:1.328 - ISI		1-14	08/2021
----	--	---	-------	--	---------------------------	--	------	---------

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà U'V là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1 ([47])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà U'V là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Quy trình tưới tiêu khoa học cho lúa vụ Xuân vùng đồng bằng sông Hồng, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính	Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	27/5/2020	Lê Xuân Quang/Nguyễn Văn Tinh, Lê Thế Hiếu, Trần Hưng, Phạm Thanh Bình	5
2	Quy trình tưới tiêu khoa học cho lúa vụ Mùa vùng đồng bằng sông Hồng, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính	Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	27/5/2020	Lê Xuân Quang/Nguyễn Văn Tinh, Lê Thế Hiếu, Trần Hưng, Phạm Thanh Bình	5

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 1 2

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDDT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
----	---	--------------------------------	--	------------------------------------	---------------------------------	---------

1	Đề tài cấp Quốc gia hợp tác quốc tế theo NĐT với Nhật Bản “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ của Nhật Bản trong hệ thống thủy lợi nội đồng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước, giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa vùng đồng bằng sông Hồng”	Chủ trì	Quyết định 3070/QĐ-BKHCN ngày 30/10/2015	Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 401/QĐ-TCTL-KHCN, ngày 20/9/2018, của Tổng cục Thủy lợi-Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy trình tưới tiêu khoa học cho lúa vùng đồng bằng sông Hồng, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính	Quy trình tưới tiết kiệm nước cho lúa vùng ĐBSH, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính là một trong nhiều sản phẩm chính của đề tài.
---	---	---------	---	---	---	---

2	Dự án KHCN cấp Bộ “Hoàn thiện giải pháp công nghệ và tích hợp thiết bị tưới tiên tiến, tiết kiệm nước chi phí thấp cho các vùng cây trồng ngắn ngày rau màu, cây công nghiệp”.	Chủ trì	Quyết định số 3046/QĐ-BNN-KHCN ngày 30/7/2015	Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và PTNT	Các quyết định ban hành áp dụng của Tổng cục Thủy lợi: Quyết định số 402/QĐ-TCTL-KHCN ngày 20/9/2018 về quy trình tưới phun mưa cho cây lạc khu vực miền Trung. Quyết định số 403/QĐ-TCTL-KHCN ngày 20/9/2018 về quy trình tưới phun mưa cho cây tỏi khu vực miền Trung. Quyết định số 404/QĐ-TCTL-KHCN ngày 20/9/2018 về quy trình tưới phun mưa cho cây hành khu vực miền Trung. Quyết định số 451/QĐ-KHCN ngày 16/10/2018 về ban hành sổ tay thiết kế mẫu tưới tiết kiệm nước cho lạc, hành, tỏi khu vực miền Trung.	03 quy trình và sổ tay là sản phẩm chính của dự án KHCN cấp Bộ
---	--	---------	---	--	--	--

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): (2018-2019/47,1)

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): (2018-2019/60,6)

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)